

Phần II

Những nguyên lý cơ bản của triết học Mác - Lênin

Chương V

Vật chất và ý thức

I- vật chất và các phương thức tồn tại của vật chất

1. Tính thống nhất vật chất của thế giới

Nếu quan sát ta thấy, các sự vật và hiện tượng trong thế giới cực kỳ đa dạng; mặt khác, chúng cũng rất gắn bó hết sức mật thiết với nhau, phụ thuộc vào nhau và hoàn toàn thống nhất với nhau.

Các nhà triết học duy tâm tìm nguồn gốc, bản chất của thế giới ở "ý niệm tuyệt đối" hoặc ở ý thức con người; ngược lại thì các nhà duy vật trước Mác có khuynh hướng chung là tìm nguồn gốc, bản chất của thế giới ngay trong bản thân nó. Nhưng do ảnh hưởng của quan điểm siêu hình - máy móc nên họ cho rằng mọi hiện tượng của thế giới đều được cấu tạo từ những vật thể ban đầu giống nhau, thống nhất với nhau, cùng bị chi phối bởi một số quy luật nhất định. Quan điểm ấy không phản ánh được tính nhiều vẻ, tính vô tận của thế giới hiện thực.

Bằng sự phát triển lâu dài của bản thân triết học và sự phát triển của khoa học, chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định rằng, *bản chất của thế giới là vật chất, thế giới thống nhất ở tính vật chất*. Điều đó được thể hiện ở những điểm cơ bản sau đây:

Một là, chỉ có một thế giới duy nhất và thống nhất là thế giới vật chất. Thế giới vật chất tồn tại khách quan, có trước và độc lập với ý thức con người.

Hai là, mọi bộ phận của thế giới vật chất đều có mối liên hệ thống nhất với nhau, biểu hiện ở chỗ chúng đều là những dạng cụ thể của vật chất, là những kết cấu vật chất, hoặc có nguồn gốc vật chất, do vật chất sinh ra và cùng chịu sự chi phối của những quy luật khách quan phổ biến của thế giới vật chất.

Ba là, thế giới vật chất tồn tại vĩnh viễn, vô hạn và vô tận, không được sinh ra và không bị mất đi. Trong thế giới không có gì khác ngoài những quá trình vật chất đang biến đổi và chuyển hóa lẫn nhau, là nguồn gốc, nguyên nhân và kết quả của nhau.

Tính vật chất của thế giới đã được kiểm nghiệm bởi khoa học và bởi chính cuộc sống hiện thực của con người.

Những phát minh của khoa học tự nhiên như thuyết tế bào, định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng, thuyết tiến hóa các loài đã có ý nghĩa rất lớn, phá bỏ ranh giới giả tạo do tôn giáo và chủ nghĩa duy tâm tạo ra giữa quả đất với các thiên thể, giữa thực vật với động vật, giữa các giống loài khác nhau, giữa giới vô sinh và giới hữu sinh.

Khoa học hiện đại tiếp tục chứng minh nguyên lý về sự thống nhất vật chất của thế giới bằng những thành tựu mới trong vật lý học, trong hóa học, trong khoa học vũ trụ, trong khoa học sự sống, v.v.. Những thành tựu của các ngành khoa học ấy đã làm sâu sắc thêm nhận thức của con người về thành phần, về kết cấu của thế giới vật chất, về những đặc điểm hoạt động và phát triển của nó trên các trình độ tổ chức khác nhau của vật chất.

Khoa học hiện đại đã đi sâu nghiên cứu cấu tạo của vật chất và đã phân chia ra các dạng vật chất khác nhau:

Trong giới tự nhiên vô sinh có hai dạng vật chất cơ bản là *chất* và *trường*. Chất là cái gián đoạn, được tạo ra từ các hạt, có khối lượng, có cấu trúc thứ bậc từ nguyên tử cho đến các thiên thể cực kỳ lớn. Còn trường là môi trường vật chất liên tục, không có khối lượng tĩnh. Trường làm cho các hạt của nguyên tử liên kết với nhau, tác động với nhau và nhờ đó mà tồn tại được.

Ranh giới giữa chất và trường là tương đối, có thể chuyển hóa lẫn nhau. Sự phát hiện ra dạng chất và trường của vật chất và sự chuyển hóa của chúng càng chứng tỏ không có không gian không có vật chất, không có vật chất dưới dạng này thì lại có vật chất dưới dạng khác, không thể có thế giới không phải vật chất nằm bên cạnh thế giới vật chất. Và cũng không chỉ hình dung thế giới vật chất gồm quả đất, hệ mặt trời, hay một số thiên hà mà phải là toàn bộ các quá trình tổ chức vật chất từ các hệ thống thiên hà đến các vật thể vi mô.

Trong giới tự nhiên hữu sinh có các trình độ tổ chức vật chất là *sinh quyển*, các *axít nucleic* (AND và ARN) và chất *đản bạch*. Sự phát triển của sinh học hiện đại đã tìm ra được nhiều mắt khâu trung gian chuyển hóa giữa các trình độ tổ chức vật chất, cho phép nối liền vô cơ, hữu cơ và sự sống. Vật chất sống bắt nguồn từ vật chất không sống. Thực vật, động vật và cơ thể con người có sự giống nhau về thành phần vô cơ, cấu trúc và phân hóa tế bào, cơ chế di truyền sự sống...

Những thành tựu của khoa học tự nhiên đã giúp cho chủ nghĩa duy vật biện chứng có cơ sở khẳng định rằng các sự vật, hiện tượng đều có cùng bản chất vật chất, thế giới thống nhất ở tính vật chất.

Xã hội loài người là cấp độ cao nhất của cấu tạo vật chất, là cấp độ đặc biệt của tổ chức vật chất. Xã hội là một bộ phận của thế giới vật chất, có nền tảng tự nhiên có kết cấu và quy luật vận động khách quan không phụ thuộc vào ý thức con

người. Vật chất dưới dạng xã hội là kết quả hoạt động của con người. Quan niệm duy vật về lịch sử của triết học Mác - Lênin đã đóng góp quan trọng trong việc chứng minh vị trí hàng đầu, ưu thế của các quan hệ kinh tế trong hệ thống các quan hệ xã hội đã tạo cơ sở khoa học để nhận thức đúng đắn các hiện tượng xã hội, để nghiên cứu những quy luật khách quan của xã hội.

Như vậy, *bản chất của thế giới là vật chất; thế giới thống nhất ở tính vật chất. Thế giới vật chất có nguyên nhân tự nó, vĩnh hằng và vô tận với vô số những biểu hiện muôn hình muôn vẻ.*

2. Vật chất

a) Lược khảo các quan điểm trước Mác về vật chất

Vật chất với tư cách là phạm trù triết học đã có lịch sử khoảng 2.500 năm. Ngay từ lúc mới ra đời, xung quanh phạm trù vật chất đã diễn ra cuộc đấu tranh không khoan nhượng giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm. Giống như mọi phạm trù khác, phạm trù vật chất có quá trình phát sinh và phát triển gắn liền với hoạt động thực tiễn của con người và với sự hiểu biết của con người về giới tự nhiên.

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy tâm thì thực thể của thế giới, cơ sở của mọi tồn tại là một bản nguyên tinh thần nào đó, có thể là "ý chí của Thượng đế" là "ý niệm tuyệt đối", v.v..

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật thì thực thể của thế giới là vật chất, cái tồn tại một cách vĩnh cửu, tạo nên mọi sự vật và hiện tượng cùng với những thuộc tính của chúng.

Vào thời cổ đại các nhà triết học duy vật đã đồng nhất vật chất nói chung với những dạng cụ thể của nó, tức là những vật thể hữu hình, cảm tính đang tồn tại ở thế giới bên ngoài. Đỉnh cao của tư tưởng duy vật cổ đại về vật là thuyết nguyên tử của Loxíp và Đêmôcrít. Nguyên tử là các phần tử cực nhỏ, cứng, không thể xâm nhập được, không cảm giác được. Nguyên tử có thể nhận biết được bằng tư duy. Nguyên tử có nhiều loại. Sự kết hợp hoặc tách rời nguyên tử theo trật tự khác nhau của không gian tạo nên toàn bộ thế giới. Thuyết nguyên tử tuy còn mang tính chất chất phác nhưng phỏng đoán thiên tài ấy về cấu tạo vật chất đã có ý nghĩa định hướng đối với lịch sử phát triển khoa học nói chung, đặc biệt là vật lý học khi phát hiện ra sự tồn tại thực của nguyên tử.

Từ thời kỳ phục hưng đặc biệt là thời kỳ cận đại thế kỷ XVII - XVIII, khoa học tự nhiên - thực nghiệm ở châu Âu phát triển khá mạnh. Chủ nghĩa duy vật nói chung và phạm trù vật chất nói riêng đã có bước phát triển mới, chứa đựng nhiều yếu tố biện chứng.

Tuy vậy, khoa học thời kỳ này chỉ có cơ học cổ điển phát triển nhất, còn các ngành khoa học khác như vật lý học, hóa học, sinh học, địa chất học... còn ở trình độ thấp. Khoa học lúc này chủ yếu còn dừng lại ở trình độ sưu tập, mô tả. Tương ứng với trình độ trên của khoa học thì quan điểm thống trị trong triết học và khoa học tự nhiên

thời bấy giờ là quan điểm siêu hình - máy móc. Quan điểm đó đã chi phối những hiểu biết triết học về vật chất. Người ta giải thích mọi hiện tượng của tự nhiên bằng sự tác động qua lại của lực hấp dẫn và lực đẩy của các phân tử của vật thể, theo đó, các phân tử của vật trong quá trình vận động là bất biến, còn cái thay đổi chỉ là trạng thái không gian và tập hợp của chúng. Mọi phân biệt về chất giữa các vật thể đều bị quy giản về sự phân biệt về lượng; mọi sự vận động đều bị quy về sự dịch chuyển vị trí trong không gian; mọi hiện tượng phức tạp bị quy về cái giản đơn mà từ đó chúng được tạo thành. Niềm tin vào các chân lý trong cơ học Niutơn đã khiến các nhà khoa học đồng nhất vật chất với khối lượng, coi vận động của vật chất chỉ là biểu hiện của vận động cơ học, nguồn gốc vận động nằm ngoài vật chất. Kế thừa quan điểm nguyên tử luận cổ đại, các nhà triết học duy vật cận đại vẫn coi nguyên tử là phân tử nhỏ nhất, không thể phân chia được, tách rời nguyên tử với vận động, không gian và thời gian, v.v..

b) Nguyên nhân dẫn đến sự bế tắc của những quan điểm trước Mác về vật chất

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, khi xuất hiện những phát minh mới trong khoa học tự nhiên, con người mới có được những hiểu biết căn bản hơn, sâu sắc hơn về nguyên tử. Năm 1895 Ronghen phát hiện ra tia X; năm 1896, Béccoren phát hiện ra hiện tượng phóng xạ; năm 1897 Tômxơn phát hiện ra điện tử và chứng minh được điện tử là một trong những thành phần cấu tạo nên nguyên tử. Nhờ phát minh này, lần đầu tiên trong khoa học, sự tồn tại hiện thực của nguyên tử đã được chứng minh bằng thực nghiệm. Năm 1901, Kaufman đã chứng minh được khối lượng của điện tử không phải là khối lượng tĩnh, mà là khối lượng thay đổi theo tốc độ vận động của điện tử. Những phát hiện đó là bước tiến mới của loài người trong việc nhận thức và làm chủ giới tự nhiên, nó bác bỏ quan niệm siêu hình về vật chất. Những quan niệm đương thời về giới hạn tốt cùng của vật chất là nguyên tử hoặc khối lượng đã sụp đổ trước khoa học. Vấn đề là ở chỗ, trong nhận thức lúc đó, các hạt điện tích và trường điện từ coi là cái gì đó *phi vật chất*. Đây chính là mảnh đất để chủ nghĩa duy tâm lợi dụng. Những người theo chủ nghĩa duy tâm cho rằng "vật chất" của chủ nghĩa duy vật đã biến mất, nền tảng của chủ nghĩa duy vật đã sụp đổ.

Sự phát triển của khoa học và cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa duy tâm đòi hỏi các nhà duy vật phải có quan điểm đúng đắn hơn về vật chất qua định nghĩa kinh điển về vật chất của V.I. Lênin.

c) Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất

Kế thừa tư tưởng của C. Mác và Ph. ăngghen; tổng kết những thành tựu khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và từ nhu cầu của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa duy tâm, V.I. Lênin đã định nghĩa:

"Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh

và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác"¹ (TG nhấn mạnh).

ở định nghĩa này, V.I.Lênin phân biệt hai vấn đề quan trọng:

Trước hết là phân biệt vật chất với tư cách là phạm trù triết học với các quan niệm của khoa học tự nhiên về cấu tạo và những thuộc tính cụ thể của các đối tượng các dạng vật chất khác nhau. Vật chất với tư cách là phạm trù triết học dùng chỉ vật chất nói chung, vô hạn, vô tận, không sinh ra, không mất đi; còn các đối tượng, các dạng vật chất khoa học cụ thể nghiên cứu đều có giới hạn, có sinh ra và mất đi để chuyển hóa thành cái khác. Vì vậy, không thể quy vật chất nói chung về vật thể, không thể đồng nhất vật chất nói chung với những dạng cụ thể của vật chất như các nhà duy vật trong lịch sử cổ đại, cận đại đã làm.

Thứ hai là trong nhận thức luận, đặc trưng quan trọng nhất để nhận biết vật chất chính là *thuộc tính khách quan*. Khách quan, theo V.I.Lênin là "cái đang tồn tại độc lập với loài người và với cảm giác của con người"². Trong đời sống xã hội, vật chất "theo ý nghĩa là tồn tại xã hội *không phụ thuộc* vào ý thức xã hội của con người"³. Về mặt nhận thức luận thì khái niệm vật chất không có nghĩa gì khác hơn: "thực tại khách quan tồn tại độc lập với ý thức con người và được ý thức con người phản ánh"⁴.

Như vậy, định nghĩa vật chất của V.I.Lênin bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- *Vật chất là cái tồn tại khách quan bên ngoài ý thức và không phụ thuộc vào ý thức, bất kể sự tồn tại ấy con người đã nhận thức được hay chưa nhận thức được.*
- *Vật chất là cái gây nên cảm giác ở con người khi gián tiếp hoặc trực tiếp tác động lên giác quan của con người.*
- *Cảm giác, tư duy, ý thức chỉ là sự phản ánh của vật chất.*

Với những nội dung cơ bản như trên định nghĩa vật chất của V. I. Lênin có nhiều ý nghĩa to lớn.

- Khi khẳng định vật chất là "thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác", "tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác", V.I.Lênin đã thừa nhận rằng, trong nhận thức luận, *vật chất là tính thứ nhất*, là nguồn gốc khách quan của cảm giác, ý thức. Và khi khẳng định vật chất là cái "được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh", V.I.Lênin muốn nhấn mạnh rằng bằng những phương thức nhận thức khác nhau (chép lại, chụp lại, phản ánh...) con người có thể nhận thức được thế giới vật chất. Như vậy, định nghĩa vật chất của V.I.Lênin đã *bác bỏ quan điểm của chủ nghĩa duy tâm, bác bỏ thuyết không thể biết, đã khắc phục được những hạn chế trong các quan điểm của chủ nghĩa duy vật trước Mác về vật chất*. Đồng thời, định nghĩa vật chất của V.I.Lênin còn có ý nghĩa *định hướng đối với khoa học* cụ thể trong việc tìm kiếm các

¹ V. I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1980, t.18, tr. 151.

² *Sđđ*, t.18, tr. 374.

³ *Sđđ*, t.18, tr. 403.

⁴ *Sđđ*, t.18, tr. 322.

dạng hoặc các hình thức mới của vật thể trong thế giới.

- Khi nhận thức các hiện tượng thuộc đời sống xã hội, định nghĩa vật chất của V.I.Lênin đã cho phép xác định cái gì là *vật chất trong lĩnh vực xã hội*. Từ đó giúp các nhà khoa học có cơ sở lý luận để giải thích những nguyên nhân cuối cùng của các biến cố xã hội, những nguyên nhân thuộc về sự vận động của phương thức sản xuất; trên cơ sở ấy, người ta có thể tìm ra các phương án tối ưu để hoạt động thúc đẩy xã hội phát triển.

3. Những phương thức tồn tại của vật chất

Tìm hiểu những phương thức tồn tại của vật chất nhằm trả lời cho câu hỏi: Những dạng cụ thể của vật chất biểu hiện sự tồn tại của mình bằng cách nào. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, các dạng cụ thể của vật chất biểu hiện sự tồn tại của mình bằng *vận động, không gian, thời gian*.

a) Vận động

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, vận động không chỉ là sự thay đổi vị trí trong không gian (hình thức vận động thấp, giản đơn của vật chất) mà theo nghĩa chung nhất, *vận động là mọi sự biến đổi*. Ph. Ăngghen viết "Vận động hiểu theo nghĩa chung nhất (...) bao gồm tất cả mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ, kể từ sự thay đổi vị trí đơn giản cho đến tư duy"¹.

Khi định nghĩa vận động là sự biến đổi nói chung, thì vận động "là thuộc tính cố hữu của vật chất", "*là phương thức tồn tại của vật chất*"². Điều này có nghĩa là vật chất tồn tại bằng vận động. Trong vận động và thông qua vận động mà các dạng vật chất biểu hiện sự tồn tại của mình, Một khi chúng ta nhận thức được những hình thức vận động của vật chất, thì chúng ta nhận thức được bản thân vật chất.

Với tính cách "là thuộc tính cố hữu của vật chất", theo quan điểm của triết học Mác - Lênin, *vận động là sự tự thân vận động* của vật chất, được tạo nên từ sự tác động lẫn nhau của chính các thành tố nội tại trong cấu trúc vật chất. Quan điểm về sự tự thân vận động của vật chất đã được chứng minh bởi những thành tựu của khoa học tự nhiên và càng ngày những phát kiến mới của khoa học tự nhiên hiện đại càng khẳng định quan điểm đó.

Vật chất là vô hạn, vô tận, không sinh ra, không mất đi và vận động là một thuộc tính không thể tách rời vật chất nên *bản thân sự vận động cũng không thể bị mất đi hoặc sáng tạo ra*. Kết luận này của triết học Mác - Lênin đã được khẳng định bởi định luật bảo toàn chuyển hóa năng lượng trong vật lý. Theo định luật này, vận động của vật chất được bảo toàn cả về mặt lượng và chất. Nếu một hình thức vận động nào đó của sự vật mất đi thì tất yếu nảy sinh một hình thức vận động khác thay thế nó. Các hình thức vận động chuyển hóa lẫn nhau, còn vận động của vật chất thì vĩnh viễn tồn tại cùng với sự tồn tại vĩnh viễn của vật chất.

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.20, tr. 519.

2. *Sđd*, t.20, tr. 89.

Dựa trên những thành tựu khoa học của thời đại mình, Ph.Ăngghen đã *phân chia vận động thành 5 hình thức cơ bản*. Đó là:

- Vận động cơ học (sự di chuyển vị trí của các vật thể trong không gian).
- Vận động vật lý (vận động của các phân tử, các hạt cơ bản, vận động điện tử, các quá trình nhiệt điện, v.v.).
- Vận động hóa học (vận động của các nguyên tử, các quá trình hóa hợp và phân giải các chất).
- Vận động sinh học (trao đổi chất giữa cơ thể sống và môi trường).
- Vận động xã hội (sự thay đổi, thay thế các quá trình xã hội của các hình thái kinh tế - xã hội).

Đối với sự phân loại vận động của vật chất thành 5 hình thức xác định như trên, cần chú ý về mối quan hệ giữa chúng là:

- Các hình thức vận động nói trên khác nhau về chất. Từ vận động cơ học đến vận động xã hội là sự khác nhau về trình độ của sự vận động, những trình độ này tương ứng với trình độ của các kết cấu vật chất.

- Các hình thức vận động cao xuất hiện trên cơ sở các hình thức vận động thấp, bao hàm trong nó tất cả các hình thức vận động thấp hơn. Trong khi đó, các hình thức vận động thấp không có khả năng bao hàm các hình thức vận động ở trình độ cao hơn. Bởi vậy, mọi sự quy giản các hình thức vận động thấp đều là sai lầm.

- Trong sự tồn tại của mình, mỗi sự vật có thể gắn liền với nhiều hình thức vận động khác nhau. Tuy nhiên, bản thân sự tồn tại của sự vật đó bao giờ cũng đặc trưng bằng một hình thức vận động cơ bản.

Chính bằng sự phân loại các hình thức vận động cơ bản, Ph.Ăngghen đã đặt cơ sở cho sự phân loại các khoa học tương ứng với đối tượng nghiên cứu của chúng và chỉ ra cơ sở của khuynh hướng phân ngành và hợp ngành của các khoa học. Ngoài ra, tư tưởng về sự khác nhau về chất và thống nhất của các hình thức vận động cơ bản còn là cơ sở để chống lại khuynh hướng sai lầm trong nhận thức là quy hình thức vận động cao vào hình thức vận động thấp và ngược lại.

Khi triết học Mác - Lênin khẳng định thế giới vật chất tồn tại trong sự vận động vĩnh cửu của nó, thì điều đó không có nghĩa là phủ nhận hiện tượng đứng im của thế giới vật chất. Trái lại, triết học Mác - Lênin thừa nhận rằng, quá trình vận động không ngừng của thế giới vật chất chẳng những không loại trừ mà còn bao hàm trong nó hiện tượng *đứng im*. Đứng im, theo quan điểm của triết học Mác - Lênin, là một trạng thái đặc biệt của vận động - vận động trong cân bằng, nghĩa là những tính chất của vật chất chưa có sự biến đổi về cơ bản.

Đứng im chỉ là hiện tượng *tương đối và tạm thời*.

Đứng im là tương đối, vì *trước hết* hiện tượng đứng im chỉ xảy ra trong một mối quan hệ nhất định chứ không phải trong mọi quan hệ cùng một lúc. *Thứ hai*, đứng im chỉ xảy ra với một hình thái vận động trong một lúc nào đó, chứ không phải với mọi hình thức vận động trong cùng một lúc. *Thứ ba*, đứng im chỉ biểu hiện của một trạng thái vận động, đó là vận động trong thăng bằng, trong sự ổn định tương đối, biểu hiện thành một sự vật nhất định khi nó còn là nó chưa bị phân hóa thành cái khác. Chính nhờ trạng thái ổn định đó mà sự vật thực hiện được sự chuyển hóa tiếp theo. Không có đứng im tương đối thì không có sự vật nào cả. Do đó, đứng im còn được biểu hiện như một quá trình vận động trong phạm vi chất của sự vật còn ổn định, chưa thay đổi.

Đứng im là tạm thời vì vận động cá biệt có xu hướng hình thành sự vật, hiện tượng ổn định nào đó, còn vận động nói chung, tức là sự tác động qua lại lẫn nhau giữa sự vật và hiện tượng làm cho tất cả không ngừng biến đổi.

Ph.Ăngghen chỉ rõ "vận động riêng biệt có xu hướng chuyển thành cân bằng, vận động toàn bộ phá hoại sự cân bằng riêng biệt"¹ và "mọi sự cân bằng chỉ là *tương đối và tạm thời*"².

b) Không gian, thời gian

Trong lịch sử triết học, xung quanh các phạm trù không gian và thời gian đã có nhiều quan điểm khác nhau. Những người theo chủ nghĩa duy tâm phủ nhận tính khách quan của không gian và thời gian.

Vào thời thế kỷ XVII - XVIII, các nhà duy vật siêu hình tập trung phân tích các khách thể vĩ mô vận động trong tốc độ thông thường nên đã tách rời không gian và thời gian với vật chất.

Trên cơ sở các thành tựu của khoa học và thực tiễn, chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng:

Bất kỳ một khách thể vật chất nào cũng chiếm một vị trí nhất định, có một kích thước nhất định, ở vào một khung cảnh nhất định trong tương quan với những khách thể khác. Các hình thức tồn tại như vậy của khách thể vật chất được gọi là *không gian*.

Mặt khác, sự tồn tại của các khách thể vật chất còn được biểu hiện ở mức độ lâu dài hay mau chóng, ở sự kế tiếp trước hay sau của các giai đoạn vận động. Các hình thức tồn tại như vậy được gọi là *thời gian*.

Không gian và thời gian gắn bó mật thiết với nhau và gắn liền với vật chất, là phương thức tồn tại của vật chất. Điều đó có nghĩa là không có một dạng vật chất nào tồn tại ở bên ngoài không gian và thời gian. Ngược lại, cũng không thể có thời gian và không gian nào ở ngoài vật chất. Ph.Ăngghen viết: "Các hình thức cơ bản của mọi tồn tại là không gian và thời gian; tồn tại ngoài thời gian thì cũng hết sức vô lý như tồn tại ngoài không gian"³. V.I.Lênin cho rằng, để chống lại mọi chủ nghĩa tín ngưỡng và mọi

1. *Sđd*, t.20, tr. 740.

2. *Sđd*, t.20, tr. 741.

³. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.20, tr. 78.

chủ nghĩa duy tâm thì phải "thừa nhận một cách dứt khoát và kiên quyết rằng những khái niệm đang phát triển của chúng ta về không gian và thời gian đều *phản ánh* thời gian và không gian thực tại khách quan"; "'kinh nghiệm" của chúng ta và nhận thức của chúng ta ngày càng thích ứng với không gian và thời gian *khách quan*, ngày càng *phản ánh* chúng một cách đúng đắn hơn và sâu sắc hơn"⁴.

Quan điểm của triết học duy vật biện chứng như trên đã được xác nhận bởi những thành tựu của khoa học tự nhiên. Chẳng hạn Lôbatsépki, trong hình học phi Ôclit của mình đã bác bỏ tư tưởng của Cantor về không gian và thời gian coi như là những hình thức của tri giác cảm tính ngoài kinh nghiệm. Bútlerốp đã phát hiện ra những đặc tính không gian lệ thuộc vào bản chất vật lý của các vật thể vật chất. Đặc biệt thuyết tương đối của A.Anhxtanh đã xác nhận rằng, không gian và thời gian không tự nó tồn tại, tách rời vật chất mà nằm trong mối liên hệ qua lại phổ biến không thể phân chia.

Không gian và thời gian có những tính chất cơ bản sau đây:

- *Tính khách quan*, nghĩa là không gian và thời gian là thuộc tính của vật chất tồn tại gắn liền với nhau và gắn liền với vật chất. Vật chất tồn tại khách quan, do đó không gian và thời gian là thuộc tính của nó nên cũng tồn tại khách quan.

- *Tính vĩnh cửu và vô tận*, nghĩa là không gian và thời gian không có tận cùng về một phía nào, xét cả về quá khứ lẫn tương lai, cả về đằng trước lẫn đằng sau, cả về bên phải lẫn bên trái, cả về phía trên lẫn phía dưới.

- *Không gian luôn có ba chiều* (chiều dài, chiều rộng, chiều cao), còn *thời gian chỉ có một chiều* (từ quá khứ tới tương lai). Khái niệm "không gian nhiều chiều" mà ta thường thấy trong tài liệu khoa học hiện nay là một trù tượng khoa học dùng để chỉ tập hợp một số đại lượng đặc trưng cho các thuộc tính khác nhau của khách thể nghiên cứu và tuân theo những quy tắc biến đổi nhất định. Đó là một công cụ toán học hỗ trợ dùng trong quá trình nghiên cứu chứ không phải để chỉ không gian thực, không gian thực chỉ có ba chiều.

II- Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức

Trong lịch sử triết học, vấn đề nguồn gốc, bản chất, kết cấu và vai trò của ý thức luôn là một trong những vấn đề trung tâm của cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm. Trên cơ sở những thành tựu của triết học duy vật, của khoa học, của thực tiễn xã hội, triết học Mác - Lênin góp phần làm sáng tỏ những vấn đề trên.

1. Nguồn gốc của ý thức

Có thể khái quát ý thức có hai nguồn gốc: Nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc xã hội.

a) Nguồn gốc tự nhiên

Chủ nghĩa duy tâm cho rằng ý thức có trước, vật chất có sau, ý thức sinh ra vật

⁴. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1980, t.18, tr. 211 và 225.

chất, chi phối sự tồn tại và vận động của thế giới vật chất. Học thuyết triết học duy tâm khách quan và triết học duy tâm chủ quan có quan niệm khác nhau nhất định về ý thức, song về thực chất họ giống nhau ở chỗ tách ý thức ra khỏi vật chất, lấy ý thức làm điểm xuất phát để suy ra giới tự nhiên.

Các nhà duy vật trước Mác đã đấu tranh phê phán lại quan điểm trên của chủ nghĩa duy tâm, không thừa nhận tính chất siêu tự nhiên của ý thức, đã chỉ ra mối liên hệ khăng khít giữa vật chất và ý thức, thừa nhận vật chất có trước ý thức, ý thức phụ thuộc vào vật chất. Do khoa học chưa phát triển, do ảnh hưởng của quan điểm siêu hình - máy móc nên họ đã không giải thích đúng nguồn gốc và bản chất của ý thức.

Dựa trên cơ sở những thành tựu của khoa học tự nhiên, nhất là sinh lý học thần kinh, chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng, ý thức không phải có nguồn gốc siêu tự nhiên, không phải ý thức sản sinh ra vật chất như các nhà thần học và duy tâm khách quan đã khẳng định mà ý thức là một thuộc tính của vật chất, nhưng không phải là của mọi dạng vật chất, mà chỉ là *thuộc tính của một dạng vật chất có tổ chức cao là bộ óc con người*. Bộ óc người là cơ quan vật chất của ý thức. ý thức là chức năng của bộ óc con người. ý thức phụ thuộc vào hoạt động bộ óc người, do đó khi bộ óc bị tổn thương thì hoạt động của ý thức sẽ không bình thường. Vì vậy, không thể tách rời ý thức ra khỏi hoạt động của bộ óc. ý thức không thể diễn ra, tách rời hoạt động sinh lý thần kinh của bộ óc người.

Khoa học đã xác định, con người là sản phẩm cao nhất của quá trình phát triển từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp của vật chất vận động, đồng thời đã xác định bộ óc của con người là một tổ chức sống đặc biệt có cấu trúc tinh vi và phức tạp bao gồm khoảng 14 -15 tỷ tế bào thần kinh. Các tế bào này có liên hệ với nhau và với các giác quan, tạo thành vô số những mối liên hệ thu nhận, điều khiển hoạt động của cơ thể trong quan hệ với thế giới bên ngoài qua các phản xạ không điều kiện và có điều kiện. Quá trình ý thức và quá trình sinh lý trong bộ óc không đồng nhất, không tách rời, không song song mà là hai mặt của một quá trình sinh lý thần kinh mang nội dung ý thức.

Nhưng tại sao bộ óc con người - một tổ chức vật chất cao - lại có thể sinh ra được ý thức?. Để trả lời câu hỏi này chúng ta phải nghiên cứu mối liên hệ vật chất giữa bộ óc với thế giới khách quan. Chính mối liên hệ vật chất ấy hình thành nên quá trình phản ánh thế giới vật chất vào óc con người.

Phản ánh là thuộc tính phổ biến trong mọi dạng vật chất. *Phản ánh là sự tái tạo những đặc điểm của một hệ thống vật chất này ở hệ thống vật chất khác trong quá trình tác động qua lại của chúng*. Kết quả của sự phản ánh phụ thuộc vào cả hai vật (vật tác động và vật nhận tác động). Trong quá trình ấy, vật nhận tác động bao giờ cũng *mang thông tin* của vật tác động. Đây là điều quan trọng để làm sáng tỏ nguồn gốc tự nhiên của ý thức.

Trong quá trình tiến hóa của thế giới vật chất. Các vật thể càng ở bậc thang cao bao nhiêu thì hình thức phản ánh của nó càng phức tạp bấy nhiêu. Hình thức phản ánh

đơn giản nhất, đặc trưng cho giới tự nhiên vô sinh là những *phản ánh vật lý, hóa học*. Những hình thức phản ánh này có tính chất thụ động, chưa có định hướng sự lựa chọn. Hình thức *phản ánh sinh học* đặc trưng cho giới tự nhiên sống là bước phát triển mới về chất trong sự tiến hóa của các hình thức phản ánh. Hình thức phản ánh của các cơ thể sống đơn giản nhất là biểu hiện ở *tính kích thích*, tức là phản ứng trả lời tác động của môi trường ở bên ngoài có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình trao đổi chất của chúng. Hình thức phản ánh tiếp theo của các động vật chưa có hệ thần kinh là *tính cảm ứng*, tính nhạy cảm đối với sự thay đổi của môi trường. Hình thức phản ánh của các động vật có hệ thống thần kinh là *các phản xạ*. Hình thức phản ánh ở động vật bậc cao khi có hệ thần kinh trung ương xuất hiện là *tâm lý*. Tâm lý động vật chưa phải là ý thức, nó mới là sự phản ánh có tính chất bản năng do nhu cầu trực tiếp của sinh lý cơ thể và do quy luật sinh học chi phối.

ý thức là hình thức cao nhất của sự phản ánh thế giới hiện thực. ý thức chỉ nảy sinh ở giai đoạn phát triển cao của thế giới vật chất cùng với sự xuất hiện con người. ý thức là ý thức con người, nằm trong con người, không thể tách rời con người.

Như vậy, ý thức bắt nguồn từ một thuộc tính của vật chất - thuộc tính phản ánh - phát triển thành. ý thức ra đời là kết quả phát triển lâu dài của thuộc tính phản ánh của vật chất. Nội dung của ý thức là thông tin về thế giới bên ngoài, về vật được phản ánh. ý thức là sự phản ánh thế giới bên ngoài vào đầu óc con người. Bộ óc người là cơ quan phản ánh, song chỉ có bộ óc thôi thì chưa thể có ý thức. Không có sự tác động của thế giới bên ngoài lên các giác quan và qua đó đến bộ óc thì hoạt động ý thức không thể xảy ra.

Như vậy, *bộ óc người* (cơ quan phản ánh về thế giới vật chất xung quanh) *cùng với thế giới bên ngoài tác động lên bộ óc - đó là nguồn gốc tự nhiên của ý thức*.

Những điều đã trình bày về nguồn gốc tự nhiên của ý thức cho thấy "sự đối lập giữa vật chất và ý thức chỉ có ý nghĩa tuyệt đối trong những phạm vi hết sức hạn chế: trong trường hợp này, chỉ giới hạn trong vấn đề nhận thức luận cơ bản là thừa nhận cái gì là cái có trước và cái gì là cái có sau? Ngoài giới hạn đó, thì không còn nghi ngờ gì nữa rằng sự đối lập đó là tương đối"¹. ý thức chính là đặc tính của một dạng vật chất sống có tổ chức cao mà thôi.

b) Nguồn gốc xã hội

Để cho ý thức ra đời, những tiền đề, nguồn gốc tự nhiên là rất quan trọng, không thể thiếu được, song chưa đủ; điều kiện quyết định cho sự ra đời của ý thức là những tiền đề, nguồn gốc xã hội. ý thức ra đời cùng với quá trình hình thành bộ óc con người nhờ *lao động, ngôn ngữ và những quan hệ xã hội*.

Lao động là quá trình con người tác động vào giới tự nhiên nhằm tạo ra những sản phẩm phục vụ cho các nhu cầu của mình, là một quá trình trong đó bản thân con người

1. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1980, t.18, tr. 173.

đóng góp vai trò môi giới, điều tiết và giám sát trong sự trao đổi vật chất giữa người và tự nhiên. Lao động là điều kiện đầu tiên và chủ yếu để con người tồn tại. Lao động cung cấp cho con người những phương tiện cần thiết để sống, đồng thời lao động sáng tạo ra cả bản thân con người. Nhờ có lao động, con người tách ra khỏi giới động vật. Một trong những sự khác nhau căn bản giữa con người với động vật là ở chỗ động vật sử dụng các sản phẩm có sẵn trong giới tự nhiên, còn con người thì nhờ lao động mà bắt giới tự nhiên phục vụ mục đích của mình, thay đổi nó, bắt nó phục tùng những nhu cầu của mình. Chính thông qua hoạt động lao động nhằm cải tạo thế giới khách quan mà con người mới có thể phản ánh được thế giới khách quan, mới có ý thức về thế giới đó.

Sự hình thành ý thức không phải là quá trình thụ động, mà đó là kết quả hoạt động chủ động của con người. Nhờ có lao động, con người tác động vào thế giới khách quan, bắt thế giới khách quan bộc lộ những thuộc tính, những kết cấu, những quy luật vận động của mình thành những hiện tượng nhất định, và các hiện tượng ấy tác động vào bộ óc người, hình thành dần những tri thức về tự nhiên và xã hội. Như vậy, ý thức được hình thành *chủ yếu* do hoạt động cải tạo thế giới khách quan của con người, làm biến đổi thế giới đó. Ý thức với tư cách là hoạt động phản ánh sáng tạo không thể có được ở bên ngoài quá trình con người lao động làm biến đổi thế giới xung quanh. Vì thế có thể nói khái quát rằng lao động tạo ra ý thức tư tưởng, hoặc nguồn gốc cơ bản của ý thức tư tưởng là sự phản ánh thế giới khách quan vào đầu óc con người trong quá trình lao động của con người.

Lao động không xuất hiện ở trạng thái đơn nhất, ngay từ đầu nó đã mang *tính tập thể xã hội*. Vì vậy, nhu cầu trao đổi kinh nghiệm và nhu cầu trao đổi tư tưởng cho nhau xuất hiện. Chính nhu cầu đó đòi hỏi xuất hiện ngôn ngữ.

Ngôn ngữ do nhu cầu của lao động và nhờ lao động mà hình thành. Ngôn ngữ là hệ thống tín hiệu vật chất mang nội dung ý thức. Không có ngôn ngữ thì ý thức không thể tồn tại và thể hiện được.

Ngôn ngữ vừa là phương tiện giao tiếp trong xã hội, đồng thời là công cụ của tư duy nhằm khái quát hóa, trừu tượng hóa hiện thực. Nhờ ngôn ngữ mà con người tổng kết được thực tiễn, trao đổi thông tin, trao đổi tri thức từ thế hệ này sang thế hệ khác. Ý thức không phải thuần túy là hiện tượng cá nhân mà là một hiện tượng xã hội, do đó không có phương tiện trao đổi xã hội về mặt ngôn ngữ thì ý thức không thể hình thành và phát triển được.

Vậy, *nguồn gốc trực tiếp quan trọng nhất* quyết định sự ra đời và phát triển của ý thức là lao động, là thực tiễn xã hội. Ý thức phản ánh hiện thực khách quan vào bộ óc con người thông qua lao động, ngôn ngữ và các quan hệ xã hội. Ý thức là sản phẩm xã hội, là một hiện tượng xã hội.

2. Bản chất của ý thức

Trong lịch sử triết học, triết học duy tâm quan niệm ý thức là một thực thể độc

lập, là thực tại duy nhất, từ đó cường điệu tính năng động của ý thức đến mức coi ý thức sinh ra vật chất chứ không phải là sự phản ánh của vật chất. Còn các nhà triết học duy vật đều thừa nhận vật chất tồn tại khách quan và ý thức là sự phản ánh sự vật đó. Tuy nhiên, do ảnh hưởng bởi quan niệm siêu hình - máy móc nên họ đã coi ý thức là sự phản ánh sự vật một cách thụ động, giản đơn, máy móc, mà không thấy được tính năng động sáng tạo của ý thức, tính biện chứng của quá trình phản ánh.

Khác với các quan điểm trên, chủ nghĩa duy vật biện chứng dựa trên cơ sở lý luận phản ánh: *về bản chất, coi ý thức là sự phản ánh hiện thực khách quan vào trong bộ óc con người một cách năng động, sáng tạo; ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.*

Để hiểu bản chất của ý thức, *trước hết*, chúng ta thừa nhận cả vật chất và ý thức nhưng giữa chúng có sự khác nhau mang tính đối lập. ý thức là sự phản ánh, là cái phản ánh; còn vật chất là cái được phản ánh. Cái được phản ánh - tức là vật chất - tồn tại khách quan, ở ngoài và độc lập với cái phản ánh tức là ý thức. Cái phản ánh - tức ý thức - là hiện thực chủ quan, *là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan*, lấy cái khách quan làm tiền đề, bị cái khách quan quy định, nó không có tính vật chất. Vì vậy không thể đồng nhất, hoặc tách rời cái được phản ánh - tức vật chất, với cái phản ánh - tức ý thức. Nếu coi cái phản ánh - tức ý thức - là hiện tượng vật chất thì sẽ lẫn lộn giữa cái được phản ánh và cái phản ánh - tức lẫn lộn giữa vật chất và ý thức, làm mất ý nghĩa của đối lập giữa vật chất và ý thức, từ đó dẫn đến làm mất đi sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm.

Thứ hai, khi nói cái phản ánh - tức ý thức - là *hình ảnh chủ quan* của thế giới khách quan, thì đó không phải là hình ảnh vật lý hay hình ảnh tâm lý động vật về sự vật. ý thức là của con người, mà con người là một thực thể xã hội năng động sáng tạo. ý thức ra đời trong quá trình con người hoạt động cải tạo thế giới, cho nên *ý thức con người mang tính năng động, sáng tạo lại hiện thực theo nhu cầu thực tiễn xã hội*. Theo C.Mác, ý thức "chẳng qua chỉ là vật chất được đem chuyển vào trong đầu óc con người và được cải biến đi trong đó"¹.

Tính sáng tạo của ý thức thể hiện ra rất phong phú. Trên cơ sở những cái đã có trước, ý thức có khả năng tạo ra tri thức mới về sự vật, có thể tưởng tượng ra cái không có trong thực tế, có thể tiên đoán, dự báo tương lai, có thể tạo ra những ảo tưởng, những huyền thoại, những giả thuyết lý thuyết khoa học hết sức trừu tượng và khái quát cao. Những khả năng ấy càng nói lên tính chất phức tạp và phong phú của đời sống tâm lý - ý thức ở con người mà khoa học còn phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu để làm sáng tỏ bản chất của những hiện tượng ấy.

ý thức ra đời trong quá trình con người hoạt động cải tạo thế giới, cho nên quá trình phản ánh hiện thực khách quan vào bộ óc người là quá trình năng động sáng tạo

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993. t.23, tr. 35.

thống nhất ba mặt sau:

Một là, trao đổi thông tin giữa chủ thể và đối tượng phản ánh. Sự trao đổi này mang tính chất hai chiều, có định hướng, có chọn lọc các thông tin cần thiết.

Hai là, mô hình hóa đối tượng trong tư duy dưới dạng hình ảnh tinh thần. Thực chất, đây là quá trình "sáng tạo lại" hiện thực của ý thức theo nghĩa: mã hóa các đối tượng vật chất thành các ý tưởng tinh thần phi vật chất.

Ba là, chuyển mô hình từ tư duy ra hiện thực khách quan, tức quá trình hiện thực hóa tư tưởng, thông qua hoạt động thực tiễn biến cái quan niệm thành cái thực tại, biến các ý tưởng phi vật chất trong tư duy thành các dạng vật chất ngoài hiện thực. Trong giai đoạn này, con người lựa chọn những phương pháp, phương tiện, công cụ để tác động vào hiện thực khách quan nhằm thực hiện mục đích của mình.

Tính sáng tạo của ý thức là sáng tạo của sự phản ánh, theo quy luật của sự phản ánh mà kết quả bao giờ cũng là những khách thể tinh thần. Sáng tạo và phản ánh là hai mặt thuộc bản chất ý thức. ý thức là sự phản ánh và chính thực tiễn xã hội của con người tạo ra sự phản ánh phức tạp, năng động, sáng tạo của bộ óc.

ý thức là một hiện tượng xã hội. Sự ra đời, tồn tại của ý thức gắn liền với hoạt động thực tiễn, chịu sự chi phối không chỉ các quy luật sinh học mà chủ yếu là của quy luật xã hội, do nhu cầu giao tiếp xã hội và các điều kiện sinh hoạt hiện thực của con người quy định. ý thức mang bản chất xã hội.

3. Kết cấu của ý thức

ý thức là một hiện tượng tâm lý - xã hội có kết cấu rất phức tạp. Có nhiều cách tiếp cận để nghiên cứu về kết cấu của ý thức song ở đây chúng ta chỉ nghiên cứu theo *các yếu tố hợp thành* và theo *chiều sâu của nội tâm*.

a) Theo các yếu tố hợp thành

Theo các yếu tố hợp thành, ý thức bao gồm các yếu tố cấu thành như tri thức, tình cảm, niềm tin, lý trí, ý chí... trong đó tri thức là yếu tố cơ bản, cốt lõi.

Tri thức là kết quả quá trình nhận thức của con người về thế giới hiện thực, làm tái hiện trong tư tưởng những thuộc tính, những quy luật của thế giới ấy và diễn đạt chúng dưới hình thức ngôn ngữ hoặc các hệ thống ký hiệu khác. Tri thức có nhiều loại khác nhau như tri thức về tự nhiên, về xã hội, về con người. Tri thức có nhiều cấp độ khác nhau như: Tri thức thông thường được hình thành do hoạt động hàng ngày của mỗi cá nhân, mang tính chất cảm tính trực tiếp, bề ngoài và rời rạc. Tri thức khoa học phản ánh trình độ của con người đi sâu nhận thức thế giới hiện thực. Ngày nay, vai trò động lực của tri thức đối với sự phát triển kinh tế xã hội trở nên rõ ràng, nổi bật. Loài người đang bước vào nền kinh tế tri thức - là nền kinh tế trong đó sự sản sinh ra, phổ cập và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế. Trong nền kinh tế tri thức, đa số các ngành kinh tế dựa vào tri thức, dựa vào thành tựu mới nhất của khoa học

và công nghệ, vì vậy, đầu tư vào tri thức trở thành yếu tố then chốt cho sự tăng trưởng kinh tế dài hạn.

Tình cảm là sự cảm động của con người trong quan hệ của mình với thực tại xung quanh và đối với bản thân mình. Tình cảm là một hình thái đặc biệt của sự phản ánh thực tại; nó phản ánh quan hệ của con người đối với nhau, cũng như đối với thế giới khách quan. Tình cảm tham gia vào mọi hoạt động của con người và giữ một vị trí quan trọng trong việc điều chỉnh hoạt động của con người. Tình cảm có thể mang tính chất chủ động, chứa đựng sắc thái cảm xúc tích cực, cũng như trở thành thụ động, chứa đựng sắc thái cảm xúc tiêu cực. Tình cảm tích cực là một trong những động lực nâng cao năng lực hoạt động sống của con người. Tri thức kết hợp với tình cảm hình thành nên niềm tin, nâng cao ý chí tích cực biến thành hành động thực tế, mới phát huy được sức mạnh của mình.

b) Theo chiều sâu của nội tâm

Tiếp cận theo chiều sâu của thế giới nội tâm con người, ý thức bao gồm tự ý thức, tiềm thức, vô thức.

- Tự ý thức:

Trong quá trình nhận thức thế giới xung quanh, con người đồng thời cũng tự nhận thức bản thân mình. Đó chính là *tự ý thức*. Như vậy, *tự ý thức cũng là ý thức, là một thành tố quan trọng của ý thức, nhưng đây là ý thức về bản thân mình trong mối quan hệ với ý thức về thế giới bên ngoài.* Nhờ vậy con người tự nhận thức về bản thân mình như một thực thể hoạt động có cảm giác có tư duy, có các hành vi đạo đức và có vị trí trong xã hội. Những cảm giác của con người về bản thân mình trên mọi phương diện giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành tự ý thức. Con người chỉ tự ý thức được bản thân mình trong quan hệ với những người khác, trong quá trình hoạt động cải tạo thế giới. Chính trong quan hệ xã hội, trong hoạt động thực tiễn xã hội và qua những giá trị văn hóa vật chất và tinh thần do chính con người tạo ra, con người phải tự ý thức về mình để nhận rõ bản thân mình, tự điều chỉnh bản thân theo các quy tắc, các tiêu chuẩn mà xã hội đề ra.

Tự ý thức không chỉ là tự ý thức của cá nhân mà còn là tự ý thức của cả xã hội, của một giai cấp hay của một tầng lớp xã hội về địa vị của mình trong hệ thống những quan hệ sản xuất xác định, về lý tưởng và lợi ích chung của xã hội mình, của giai cấp mình, hay của tầng lớp mình.

- Tiềm thức:

Là những hoạt động tâm lý tự động diễn ra bên ngoài sự kiểm soát của chủ thể, song lại có liên quan trực tiếp đến các hoạt động tâm lý đang diễn ra dưới sự kiểm soát của chủ thể ấy. Về thực chất, *tiềm thức là những tri thức mà chủ thể đã có được từ trước nhưng đã gần như trở thành bản năng, thành kỹ năng nằm trong tầng sâu của ý thức chủ thể, là ý thức dưới dạng tiềm tàng.* Do đó, tiềm thức có thể chủ động gây ra các hoạt động tâm lý và nhận thức mà chủ thể không cần kiểm soát chúng một cách trực tiếp. Tiềm thức có vai trò quan trọng cả trong hoạt động tâm lý hàng ngày của con người, cả trong tư duy khoa học. Trong tư duy khoa học, tiềm thức chủ yếu gắn với các loại hình

tư duy chính xác, với các hoạt động tư duy thường được lặp đi lặp lại nhiều lần. ở đây tiềm thức góp phần giảm sự quá tải của đầu óc trong việc xử lý khối lượng lớn các tài liệu, dữ kiện, tin tức diễn ra một cách lặp đi lặp lại mà vẫn đảm bảo được độ chính xác và chặt chẽ cần thiết của tư duy khoa học.

- *Vô thức:*

Vô thức là những trạng thái tâm lý ở chiều sâu, điều chỉnh sự suy nghĩ, hành vi, thái độ ứng xử của con người mà chưa có sự tranh luận của nội tâm, chưa có sự truyền tin bên trong, chưa có sự kiểm tra, tính toán của lý trí.

Vô thức biểu hiện thành nhiều hiện tượng khác nhau như bản năng ham muốn, giấc mơ, bị thôi miên, mặc cảm, sự lừa dối, nói nhịu, trặc giác... Mỗi hiện tượng ấy có vùng hoạt động riêng, có vai trò, chức năng riêng, song tất cả đều có một chức năng chung là giải tỏa những ức chế trong hoạt động thần kinh vượt ngưỡng nhất là những ham muốn bản năng không được phép bộc lộ ra và thực hiện trong quy tắc của đời sống cộng đồng. Nó góp phần lập lại thế cân bằng trong hoạt động tinh thần của con người mà không dẫn tới trạng thái ức chế quá mức như ám ức, "libido"...

Như vậy, vô thức có vai trò tác dụng nhất định trong đời sống và hoạt động của con người. Nhờ vô thức mà con người tránh được tình trạng căng thẳng không cần thiết khi làm việc "quá tải". Nhờ vô thức mà chuẩn mực con người đặt ra được thực hiện một cách tự nhiên... Vì vậy, không thể phủ nhận vai trò cái vô thức trong cuộc sống, nếu phủ nhận vô thức sẽ không thể hiểu đầy đủ và đúng đắn về con người.

Tuy nhiên không nên cường điệu, tuyệt đối hóa và thần bí vô thức. Không nên coi vô thức là hiện tượng tâm lý cô lập, hoàn toàn tách khỏi hoàn cảnh xã hội xung quanh không liên quan gì đến ý thức. Thực ra, vô thức là vô thức nằm trong con người có ý thức. Giữ vai trò chủ đạo trong con người là ý thức chứ không phải vô thức. Nhờ có ý thức mới điều khiển được các hiện tượng vô thức hướng tới chân, thiện, mỹ. Vô thức chỉ là một mắt khâu trong cuộc sống có ý thức của con người.

III. Ý nghĩa phương pháp luận của mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định trong mối quan hệ giữa vật chất và ý thức thì: *Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất là nguồn gốc của ý thức, quyết định ý thức, song ý thức có thể tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người; vì vậy, con người phải tôn trọng khách quan, đồng thời phát huy tính năng động chủ quan của mình.*

Tôn trọng khách quan là tôn trọng tính khách quan của vật chất, của các quy luật tự nhiên và xã hội. Điều này đòi hỏi trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn con người phải xuất phát từ thực tế khách quan, lấy thực tế khách quan làm căn cứ cho mọi hoạt động của mình. V.I. Lênin đã nhiều lần nhấn mạnh không được lấy ý muốn chủ quan của mình làm chính sách, không được lấy tình cảm làm điểm xuất phát cho chiến lược và sách lược cách mạng. Nếu chỉ xuất phát từ ý muốn chủ quan, nếu lấy ý chí áp đặt cho thực tế, lấy ảo tưởng thay cho hiện thực thì sẽ mắc

phải bệnh chủ quan duy ý chí.

- Nếu ý thức có thể tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động trở lại vật chất thông qua hoạt động thực tiễn thì con người phải *phát huy tính năng động chủ quan*.

Phát huy tính năng động chủ quan tức là phát huy vai trò tích cực của ý thức, vai trò tích cực của nhân tố con người. Bản thân ý thức tự nó không trực tiếp thay đổi được gì trong hiện thực. ý thức muốn tác động trở lại đời sống hiện thực phải bằng lực lượng vật chất, nghĩa là phải được con người thực hiện trong thực tiễn. Điều ấy có nghĩa là sự tác động của ý thức đối với vật chất phải thông qua hoạt động của con người được bắt đầu từ khâu nhận thức cho được quy luật khách quan, biết vận dụng đúng đắn quy luật khách quan, phải có ý chí, phải có phương pháp để tổ chức hành động. Vai trò của ý thức là ở chỗ trang bị cho con người những tri thức về bản chất quy luật khách quan của đối tượng, trên cơ sở ấy, con người xác định đúng đắn mục tiêu và đề ra phương hướng hoạt động phù hợp. Tiếp theo, con người với ý thức của mình xác định các biện pháp để thực hiện tổ chức các hoạt động thực tiễn. Cuối cùng, bằng sự nỗ lực và ý chí mạnh mẽ của mình, con người có thể thực hiện được mục tiêu đề ra. ở đây ý thức, tư tưởng có thể quyết định làm cho con người hoạt động đúng và thành công khi phản ánh đúng đắn, sâu sắc thế giới khách quan, vì đó là cơ sở quan trọng cho việc xác định mục tiêu, phương hướng và biện pháp chính xác. Ngược lại, ý thức, tư tưởng có thể làm cho con người hoạt động sai và thất bại khi con người phản ánh sai thế giới khách quan. Vì vậy, phải phát huy tính năng động sáng tạo của ý thức, phát huy vai trò nhân tố con người để tác động cải tạo thế giới khách quan; đồng thời phải khắc phục bệnh bảo thủ trì trệ, thái độ tiêu cực, thụ động, ỷ lại, ngồi chờ trong quá trình đổi mới hiện nay.

Từ lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và từ kinh nghiệm thành công và thất bại trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã rút ra bài học quan trọng là "Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải *xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan*"¹. Đất nước ta đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa, Đảng chủ trương: "huy động ngày càng cao mọi nguồn lực cả trong và ngoài nước, đặc biệt là nguồn lực của dân vào công cuộc phát triển đất nước"², muốn vậy phải "nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, thực hiện "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"³.

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.5.

². Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 162.

³. *Sđd*, tr. 368.

câu hỏi ôn tập

1. Định nghĩa và nội dung của định nghĩa vật chất của Lênin? Giá trị khoa học và ý nghĩa phương pháp luận của định nghĩa ấy?
2. Quan điểm của triết học duy vật biện chứng về những phương thức tồn tại của vật chất?
3. Nội dung quan điểm về tính thống nhất vật chất của thế giới của triết học duy vật biện chứng? ý nghĩa phương pháp luận của quan điểm ấy đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn?
4. Quan điểm của triết học duy vật biện chứng về nguồn gốc và bản chất của ý thức?
5. Trình bày kết cấu của ý thức ?
6. ý nghĩa phương pháp luận của mối quan hệ giữa vật chất và ý thức?

Chương VI

Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật

Phép biện chứng duy vật được xây dựng trên cơ sở một hệ thống những nguyên lý, những phạm trù cơ bản, những quy luật phổ biến phản ánh đúng đắn hiện thực. Trong hệ thống đó *nguyên lý về mối liên hệ phổ biến và nguyên lý về sự phát triển là hai nguyên lý khái quát nhất*. Vì thế Ph.Ăngghen đã định nghĩa: "phép biện chứng chẳng qua chỉ là môn khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và sự phát triển của tự nhiên, của xã hội loài người và của tư duy"¹.

I- Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến

1. Khái niệm mối liên hệ

Các sự vật, các hiện tượng và các quá trình khác nhau của thế giới có mối liên hệ qua lại, tác động, ảnh hưởng lẫn nhau hay chúng tồn tại biệt lập, tách rời nhau? Nếu chúng có mối liên hệ qua lại thì cái gì quy định mối liên hệ đó?

Trong lịch sử triết học, để trả lời những câu hỏi đó ta thấy có nhiều quan điểm khác nhau. Trả lời câu hỏi thứ nhất, những người theo quan điểm siêu hình cho rằng các sự vật, hiện tượng tồn tại biệt lập, tách rời nhau, cái này tồn tại bên cạnh cái kia. Chúng không có sự phụ thuộc, không có sự ràng buộc và quy định lẫn nhau. Nếu giữa chúng có sự quy định lẫn nhau thì cũng chỉ là những quy định bề ngoài, mang tính ngẫu nhiên. Tuy vậy trong số những người theo quan điểm siêu hình cũng có một số người cho rằng, các sự vật, hiện tượng có mối liên hệ với nhau và mối liên hệ rất đa dạng, phong phú, song các hình thức liên hệ khác nhau không có khả năng chuyển hóa lẫn nhau. Chẳng hạn, giới vô cơ và giới hữu cơ không có liên hệ gì với nhau; tồn tại độc lập, không thâm nhập lẫn nhau; tổng số đơn giản của những con người riêng lẻ tạo thành xã hội, v.v..

Trái lại, những người theo quan điểm biện chứng lại cho rằng, các sự vật, hiện tượng, các quá trình khác nhau vừa tồn tại độc lập, vừa quy định, tác động qua lại, chuyển hóa lẫn nhau.

Trả lời câu hỏi thứ hai, những người theo chủ nghĩa duy tâm khách quan và chủ nghĩa duy tâm chủ quan trả lời rằng, cái quyết định mối liên hệ, sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng là một lực lượng siêu tự nhiên (như trời) hay ở ý thức, cảm giác của con người.

Những người theo quan điểm duy vật biện chứng khẳng định tính thống nhất vật chất của thế giới là cơ sở của mối liên hệ giữa các sự vật hiện tượng. Các sự vật, hiện

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, t.20, tr. 201.

tượng tạo thành thế giới, dù có đa dạng, phong phú, có khác nhau bao nhiêu, song chúng đều chỉ là những dạng khác nhau của một thế giới duy nhất, thống nhất - thế giới vật chất. Nhờ có tính thống nhất đó, chúng không thể tồn tại biệt lập, tách rời nhau, mà tồn tại trong sự tác động qua lại, chuyển hóa lẫn nhau theo những quan hệ xác định. Chính trên cơ sở đó, triết học duy vật biện chứng khẳng định rằng, *liên hệ là phạm trù triết học dùng để chỉ sự quy định, sự tác động qua lại, sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng hay giữa các mặt của một sự vật, của một hiện tượng trong thế giới.*

2. Các tính chất của mối liên hệ

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, mỗi liên hệ có ba tính chất cơ bản: *Tính khách quan, tính phổ biến và tính đa dạng, phong phú.*

- Tính khách quan của mối liên hệ biểu hiện: các mối liên hệ là vốn có của mọi sự vật, hiện tượng; nó không phụ thuộc vào ý thức của con người.

- Tính phổ biến của mối liên hệ biểu hiện: bất kỳ một sự vật, hiện tượng nào; ở bất kỳ không gian nào và ở bất kỳ thời gian nào cũng có mối liên hệ với những sự vật, hiện tượng khác. Ngay trong cùng một sự vật, hiện tượng thì bất kỳ một thành phần nào, một yếu tố nào cũng có mối liên hệ với những thành phần, những yếu tố khác.

- Tính đa dạng, phong phú của mối liên hệ biểu hiện: sự vật khác nhau, hiện tượng khác nhau, không gian khác nhau, thời gian khác nhau thì các mối liên hệ biểu hiện khác nhau. Có thể chia các mối liên hệ thành nhiều loại: mối liên hệ bên trong, mối liên hệ bên ngoài, mối liên hệ chủ yếu, mối liên hệ thứ yếu, v.v.. Các mối liên hệ này có vị trí, vai trò khác nhau đối với sự tồn tại và vận động của sự vật, hiện tượng.

Sự phân chia từng cặp mối liên hệ chỉ mang tính tương đối, vì mỗi loại mối liên hệ chỉ là một hình thức, một bộ phận, một mắt xích của mối liên hệ phổ biến. Mỗi loại mối liên hệ trong từng cặp có thể chuyển hóa lẫn nhau tùy theo phạm vi bao quát của mối liên hệ hoặc do kết quả vận động và phát triển của chính các sự vật.

Tuy sự phân chia thành các loại mối liên hệ chỉ mang tính tương đối, nhưng sự phân chia đó lại rất cần thiết, bởi vì mỗi loại mối liên hệ có vị trí và vai trò xác định trong sự vận động và phát triển của sự vật. Con người phải nắm bắt đúng các mối liên hệ đó để có cách tác động phù hợp nhằm đưa lại hiệu quả cao nhất trong hoạt động của mình.

Phép biện chứng duy vật nghiên cứu các mối liên hệ phổ biến chi phối sự vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng.

3. Ý nghĩa phương pháp luận

Nghiên cứu nguyên lý về mối liên hệ phổ biến có thể rút ra ý nghĩa về phương pháp luận sau:

- Vì các mối liên hệ là sự tác động qua lại, chuyển hoá, quy định lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng và các mối liên hệ mang tính khách quan, mang tính phổ biến nên trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn con người phải *tôn trọng quan điểm toàn diện, phải tránh cách xem xét phiến diện.*